

Bản án số: 119/2023/HS-PT
Ngày 22-8-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng An Thanh.

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Huy Toàn.

Ông Trương Văn Lộc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hồng Thái – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15, 22 tháng 8 năm 2023 tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 281/2022/TLPT-HS ngày 01 tháng 11 năm 2022 đối với bị cáo Đỗ Thanh T và các bị cáo khác do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 262/2022/HS-ST ngày 31 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Y, tỉnh Bình Dương.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Đỗ Thanh T sinh ngày 09 tháng 8 năm 1978 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: Số 46/21, khu phố W, phường X, thành phố Y, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: kinh doanh; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đ và bà T1; có vợ là bà L, có 01 con (sinh năm 2019); tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ ngày 14 tháng 5 năm 2021; được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23 tháng 5 năm 2021 đến nay (có mặt).

2. Nguyễn Ngọc Băng T2 sinh ngày 08 tháng 4 năm 1983 tại tỉnh Long An; nơi đăng ký thường trú: Số 4/322, khu phố W1, phường X1, thành phố Y1, tỉnh Bình Dương; nơi tạm trú: Số 20, đường ĐT 743, khu phố Z, phường Y, thành phố Y, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: kinh doanh; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc D và bà Nguyễn Huỳnh H; có chồng là ông Huỳnh Lê Duy L1, có 01 con (sinh năm 2011); tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ ngày 14 tháng 5 năm 2021; được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi

khỏi nơi cư trú từ ngày 23 tháng 5 năm 2021 đến nay (có mặt).

3. Nguyễn Thị N (tên gọi khác: P) sinh ngày 19 tháng 3 năm 1972 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: Số 33A, đường W2, Khu phố X2, phường Y2, thành phố Z2, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: nội trợ; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T3 và bà Đoàn Thị M; có chồng là ông Huỳnh Văn U, có 02 con (lớn sinh năm 2001, nhỏ sinh năm 2008); tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ ngày 14 tháng 5 năm 2021; được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23 tháng 5 năm 2021 đến nay (có mặt).

4. Nguyễn Thị O sinh năm 1977 tại tỉnh Phú Yên; nơi đăng ký thường trú: thôn Tân Z1, phường Z2, thị xã Sông Z3, tỉnh Phú Yên; nơi tạm trú: Số 8, đường W3, Khu phố X2, phường X3, thành phố Z2, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: kinh doanh; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn A và bà Lê Thị C; chưa có chồng, có 01 con (sinh năm 2005); tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ ngày 14 tháng 5 năm 2021; được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23 tháng 5 năm 2021 đến nay (có mặt).

5. Nguyễn Thị Diệu F (tên gọi khác: Tư) sinh ngày 21 tháng 02 năm 1982 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: Số 45/2/7, đường F1, J, phường J1, thành phố Z2, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn A1 và bà Trần Thị B; có chồng là ông Huỳnh Lê Minh M1, có 02 con (lớn sinh năm 2013 nhỏ sinh năm 2016); tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ ngày 14 tháng 5 năm 2021; được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23 tháng 5 năm 2021 đến nay (có mặt).

6. Ngô Hồng N1 sinh ngày 02 tháng 12 năm 1982 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: Số 44/2A, Đường 182, Khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú A, thành phố Z2, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: nội trợ; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Văn Nhị và bà Lê Thị Chuông; có chồng là ông Nguyễn Trung Tín, có 02 con (lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2020); tiền án, tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23 tháng 5 năm 2021 đến nay (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Diệu F:* Bà Trần Hải Lý là Luật sư Công ty Luật TNHH Hải Triều - Trần Gia thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Ngoài ra, có 03 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo và 01 người làm chứng không liên quan đến kháng cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Tòa án cấp sơ thẩm ghi trong Bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đỗ Thanh T, Nguyễn Ngọc Băng T2, Ngô Hồng N1, Nguyễn Thị O, Nguyễn Thị Diệu F và Nguyễn Thị N quen biết nhau.

Đỗ Thanh T là chủ cơ sở massage “H1” tại số 3/9 khu phố Bình Đường 2, phường X, thành phố Y, tỉnh Bình Dương. Khoảng đầu tháng 5 năm 2021, do tình hình dịch bệnh covid 19 nên cơ sở massage của T ngưng hoạt động. Lúc này, T sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 plus màu đen, sim số Y3 liên hệ với người đàn ông tên DT (chưa rõ nhân thân) sử dụng số điện thoại F2 (T lưu trong danh bạ là DT DT) và thỏa thuận với DT để cài đặt 02 máy game bắn cá cũ do Trung Quốc sản xuất mà T mua từ năm 2012 để cho các con bạc đến chơi game và quy đổi ra tiền, nếu thắng sẽ chi cho DT 15%, còn lỗ thì T chịu. Sau khi DT cài đặt 02 máy game bắn cá cho T, ngày 13/5/2021, T sử dụng số điện thoại Y3 gọi vào số điện thoại F3 của Nguyễn Ngọc Băng T2 và hẹn gặp T2 tại quán cà phê S trên đường J3, phường Y, thành phố Y, tỉnh Bình Dương. Tại đây, T rủ T2 đến cơ sở massage của T để chơi game bắn cá, T2 chơi nhưng không phải trả tiền nhằm mục đích dụ nhiều người đến chơi cùng. Quá trình chơi game bắn cá, nếu T thắng các con bạc thì sẽ cho T2 tiền, còn thua thì thôi. Nghe vậy, T2 đồng ý. T2 dùng điện thoại sim số F3 gọi vào số điện thoại J2 cho Nguyễn Thị N và hẹn N đến cơ sở massage H1 để chơi game bắn cá thì N đồng ý. Lúc này, O chở Nguyễn Thị N đến cơ sở massage H1, sau đó T2, Ngô Hồng N1 và Nguyễn Thị Diệu F đến cơ sở massage H1 gặp T. Tại đây, T quy định, khi các con bạc muốn chơi bắn cá thì mua điểm của T, T dùng thẻ từ và nạp điểm cho các con bạc vào các ổ bắn cá, thấp nhất một lần nạp điểm cho các ổ bắn cá là 200.000 điểm tương đương 2.000.000 đồng (01 điểm tương đương với 10 đồng), quá trình chơi có thể nạp nhiều lần. Khi T nạp điểm thì chưa lấy tiền mà ghi vào cuốn tập để cuối ngày khi các con bạc nghỉ chơi T đối chiếu số điểm nạp và số điểm trả từng con bạc thắng thua như thế nào thì sẽ thanh toán tiền sau.

Quá trình điều tra xác định được hành vi đánh bạc như sau:

+ Ngày 13/5/2021:

Nguyễn Thị N đã nạp 800.000 điểm tương đương với 8.000.000 đồng, khi kết thúc game bắn cá N thắng được 2.000.000 điểm tương đương với 20.000.000 đồng. Tổng số tiền N sử dụng vào việc đánh bạc là 28.000.000 đồng.

Nguyễn Thị O đã nạp 2.400.000 điểm tương đương với 24.000.000 đồng, khi kết thúc game bắn cá O không thắng không thua. Tổng số tiền O sử dụng vào việc đánh bạc là 24.000.000 đồng.

Nguyễn Thị Diệu F đã nạp 2.200.000 điểm tương đương với 22.000.000 đồng, khi kết thúc game bắn cá F thắng được 200.000 điểm tương đương với 2.000.000 đồng. Tổng số tiền F sử dụng vào việc đánh bạc là 24.000.000 đồng.

Ngô Hồng N1 đã nạp 8.100.000 điểm tương đương với 81.000.000 đồng, khi kết thúc game bắn cá N1 thua hết 8.100.000 điểm tương đương với

81.000.000 đồng. Tổng số tiền N1 sử dụng vào việc đánh bạc là 81.000.000 đồng.

Nguyễn Ngọc Bằng T2 được T nạp 1.600.000 điểm tương đương với 16.000.000 đồng, khi kết thúc game bắn cá T2 thắng được 2.000.000 điểm tương đương với 20.000.000 đồng. Tuy nhiên T2 không thắng thua với T.

Tổng số tiền T sử dụng vào việc đánh bạc trong ngày 13/5/2021 là 157.000.000 đồng. T thu lợi bất chính số tiền 61.000.000 đồng.

+ Ngày 14/5/2021:

Nguyễn Thị N khi tham gia bắn cá đã nạp 2 ổ bắn cá 5P – 8P là 3.500.000 điểm tương đương 35.000.000 đồng, khi bắt quả tang trên ổ bắn cá 5P còn lại 199.150 điểm tương đương 1.991.500 đồng, ổ bắn cá 8P còn lại 713.150 điểm tương đương 7.130.150 đồng. N đã thua 2.587.700 điểm tương đương 25.877.000 đồng. Tổng số tiền sử dụng vào việc đánh bạc của N là 35.000.000 đồng. Thu giữ trên người N 25.250.000 đồng trong đó có 20.000.000 đồng do T trả cho N tiền đánh bạc T thua vào ngày 13/5/2021.

Nguyễn Thị O khi tham gia bắn cá đã nạp 2 ổ bắn cá 1P và 7P là 1.000.000 điểm tương đương 10.000.000 đồng, khi bắt quả tang trên ổ bắn cá 1P còn lại 542.000 điểm tương đương 5.420.000 đồng, ổ bắn cá 7P còn lại 79.000 điểm tương đương với 790.000 đồng. O đã thua 379.000 điểm tương đương 3.790.000 đồng. Tổng số tiền sử dụng vào việc đánh bạc của O là 10.000.000 đồng. Thu giữ trên người của O số tiền 8.200.000 đồng.

Nguyễn Thị Diệu F khi tham gia bắn cá đã nạp ổ bắn cá 4P là 800.000 điểm tương đương 8.000.000 đồng, quá trình chơi F thắng 9.000.000 đồng và nghỉ chơi. Tổng số tiền sử dụng vào việc đánh bạc của F là 17.000.000 đồng. Khi bắt quả tang thu giữ trên người của F số tiền 3.450.000 đồng.

Ngô Hồng N1 khi tham gia bắn cá đã nạp ổ bắn cá 4P là 3.200.000 điểm tương đương 32.000.000 đồng, khi bắt quả tang trên ổ bắn cá 4P còn lại 4.700 điểm tương đương 470.000 đồng. N1 đã thua 3.195.300 điểm tương đương 31.953.000 đồng. Tổng số tiền N1 sử dụng vào việc đánh bạc là 32.000.000 đồng. Thu giữ trên người của N1 10.350.000 đồng.

Nguyễn Ngọc Bằng T2 khi tham gia bắn cá đã nạp 2 ổ bắn cá 2P và 3P là 1.400.000 điểm tương đương 14.000.000 đồng, khi bắt quả tang trên ổ bắn cá 2P còn lại 110.800 điểm tương đương 1.108.000 đồng, ổ bắn cá 3P còn lại 52.350 điểm tương đương với 523.500 đồng. T2 đã thua 1.236.850 điểm tương đương 12.368.500 đồng. Tổng số tiền T2 sử dụng vào việc đánh bạc là 14.000.000 đồng. T2 không thắng thua với T. Thu giữ trên người của T2 số tiền 2.050.000 đồng.

Tổng số tiền T sử dụng vào việc đánh bạc trong ngày 14/5/2021 là 94.000.000 đồng. T thua số tiền 9.000.000 đồng. Các bị cáo chưa tính thắng thua với nhau, chưa giao nhận tiền cho nhau thì bị phát hiện, bắt giữ.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 262/2022/HS-ST ngày 31 tháng 8 năm

2022, Tòa án nhân dân thành phố Y, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

1. Tuyên bố các bị cáo Đỗ Thanh T và Nguyễn Ngọc Bằng T2 phạm tội Tổ chức đánh bạc.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Đỗ Thanh T 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án (bị cáo được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 14/5/2021 đến ngày 23/5/2021).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc Bằng T2 05 (năm) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án (bị cáo được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 14/5/2021 đến ngày 23/5/2021).

Tiếp tục duy trì Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú của Tòa án nhân dân thành phố Y cho đến khi các bị cáo đi chấp hành án.

2. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị O, Nguyễn Thị Diệu F và Ngô Hồng N1 phạm tội Đánh bạc.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Ngô Hồng N1 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án (bị cáo được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 14/5/2021 đến ngày 23/5/2021).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Diệu F 10 (mười) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án (bị cáo được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 14/5/2021 đến ngày 23/5/2021).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị O 10 (mười) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án (bị cáo được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 14/5/2021 đến ngày 23/5/2021).

Tiếp tục duy trì các lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú của Tòa án nhân dân thành phố Y cho đến khi các bị cáo đi chấp hành án.

3. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước 128.250.000 (một trăm hai mươi tám triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng; điện thoại di động Iphone 7 Plus màu đen; điện thoại di động nhãn hiệu galaxy S20 và 02 (hai) máy game bắn cá;

- Tịch thu tiêu hủy sim số Y3, F3 và thẻ từ màu xanh;

- Trả cho bị cáo Nguyễn Ngọc Băng T2 và anh Huỳnh Lê Duy Linh xe mô tô nhãn hiệu Noza màu xanh biển số 61C1-756.64, số khung 7620HY029460, số máy E3N4E165226.

- Buộc bị cáo Nguyễn Thị N nộp 37.750.000 (ba mươi bảy triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng; bị cáo Ngô Hồng N1 nộp 21.650.000 (hai mươi một triệu sáu trăm năm mươi nghìn) đồng; bị cáo Nguyễn Thị Diệu F nộp 37.550.000 (ba mươi bảy triệu năm trăm năm mươi nghìn) đồng; bị cáo Nguyễn Thị O nộp 25.800.000 (hai mươi lăm triệu tám trăm nghìn) đồng và bị cáo Đỗ Thanh T nộp 8.000.000 (tám triệu) đồng sung Ngân sách Nhà nước.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 09/3/2022 của chi cục thi hành án dân sự thành phố Y và Lệnh thanh toán số 2220410302745467 ngày 09/3/2022).

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 135 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khoá 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Đỗ Thanh T, Nguyễn Ngọc Băng T2, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị O, Nguyễn Thị Diệu F và Ngô Hồng N1, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Các bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Ngày 05 tháng 9 năm 2022, bị cáo Nguyễn Thị Diệu F kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Ngày 06 tháng 9 năm 2022, bị cáo Nguyễn Thị O và bị cáo Nguyễn Thị N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Ngày 09 tháng 9 năm 2022, các bị cáo kháng cáo như sau: Bị cáo Đỗ Thanh T xin xem xét giảm nhẹ hình phạt theo hướng được hưởng án treo để có điều kiện lao động, cải tạo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội. Bị cáo Ngô Hồng N1 xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo. Bị cáo Nguyễn Ngọc Băng T2 xin thay đổi tội danh từ “Tổ chức đánh bạc” thành “Đánh bạc”, giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến:

Các bị cáo T, T2, Hồng N, O, F, Thị N1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, hưởng án treo. Riêng bị cáo T2 cho rằng không đồng phạm với bị cáo T vì không ăn chia với bị cáo T. Đây là vụ án có đồng phạm giản đơn. Bị cáo T rủ bị cáo T2 tham gia, cung cấp địa điểm (nơi kinh doanh của mình), công cụ phạm tội (02 máy chơi game bắn cá), nạp điểm quy ra tiền để cá cược thắng thua bằng

tiền với các người chơi và thu lợi bất chính. Bị cáo T2 nhận lời của bị cáo T đến chơi để dụ dỗ và rủ người đến chơi, được bị cáo T nạp tiền chơi không phải trả tiền điểm (nếu bị cáo T2 thắng sẽ được bị cáo T cho tiền). Bị cáo T và bị cáo T2 tổ chức đánh bạc 02 lần và thu lợi bất chính 61.000.000 đồng đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức đánh bạc” theo điểm b khoản 2 Điều 322 và có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Thị N, Hồng N1, O và F nhận lời rủ của nhau hoặc tự đến mua điểm chơi bắn cá trên máy để cá cược thắng thua bằng tiền với chủ máy là bị cáo T. Riêng bị cáo Hồng N1 phạm tội 02 lần trong đó có 01 lần dùng tiền đánh bạc trên 50.000.000 đồng đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo điểm b khoản 2 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Thị N, O, F đều đánh bạc 02 lần, mỗi lần dùng trên 5.000.000 đồng để đánh bạc, đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tuy nhiên, các cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm có các vi phạm, sai sót như sau: Bị cáo T sử dụng địa điểm và cấp công cụ phạm tội, rủ bị cáo T2 đến chơi (không phải mua điểm, không trả tiền thua để tạo hiệu ứng có người, có nhiều người chơi) và hứa cho tiền bị cáo T2 (bị cáo T2 rủ bị cáo Thị N đến chơi để các con bạc khác biết, thấy đến chơi) nhằm thu lợi bất chính số tiền 61.000.000 đồng đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức đánh bạc” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 322 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo T bán điểm (quy đổi bằng tiền) cho người chơi là các bị cáo Hồng N1, O, F, Thị N tham gia đặt cược thắng thua bằng tiền với bị cáo T với số tiền dùng để đánh bạc trên 5.000.000 đồng đến trên 50.000.000 đồng nên hành vi này của bị cáo T có dấu hiệu phạm tội “Đánh bạc” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo T thu lợi 61.000.000 đồng nhưng Tòa án cấp sơ thẩm xác định là 59.000.000 đồng. Ngoài ra, tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo F khai lúc nhớ, lúc không nhớ là bị cáo T đã trả 2.000.000 đồng tiền thắng cược, nên cần phải điều tra làm rõ số tiền thu lợi bất chính của bị cáo T. Số tiền phải truy thu của bị cáo F 26.550.000 đồng nhưng Tòa án cấp sơ thẩm xác định là 37.750.000 đồng.

Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, bỏ lọt hành vi phạm tội khác, thu thập chứng cứ chưa đầy đủ để xác định tiền thu lợi bất chính và xử lý biện pháp tư pháp chưa đúng (truy thu tiền sử dụng đánh bạc), mà Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được nên cần hủy Bản án sơ thẩm để điều tra lại theo thủ tục chung. Viện kiểm sát đề nghị hủy Bản án sơ thẩm nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét kháng cáo của các bị cáo.

Bị cáo T tự bào chữa: Số tiền thu lợi bất chính nằm trên hộp đen của máy chơi bắn cá mà chìa khóa máy và mật mã để mở thì ông DT giữ, bị cáo không biết. Về hành vi tổ chức đánh bạc bị cáo không hiểu được mình chơi ngày hôm trước hôm sau chơi nữa là phạm tội nhiều lần nên bị cáo mới bị mức án 05 năm 06 tháng tù. Bị cáo từ nhỏ đến lớn không chơi cờ bạc, trước đây đã tham gia lực lượng dân phòng của phường, xã nhưng do dịch bệnh làm ăn thua lỗ nên bị cáo mới gọi người lắp máy bắn cá để kiếm thêm. Bị cáo là lao động chính trong gia đình, phải nuôi mẹ già 70 tuổi bị bệnh nặng. Con bị cáo nhỏ (04 tuổi) còn chưa đến trường. Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo.

Bị cáo T2 tự bào chữa: Bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét lại hành vi của bị cáo và giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo được ở nhà nuôi ba, mẹ và con gái vì bị cáo là lao động chính trong gia đình.

Bị cáo Thị N tự bào chữa: Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì bị cáo là lao động chính, phải đi làm giúp việc nuôi 02 con.

Bị cáo F tự bào chữa: Xin Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng án treo vì bị cáo là trụ cột chính trong gia đình. Chị của bị cáo qua đời để lại con nhỏ cho bị cáo nuôi. Bị cáo phải lo cho mẹ, con nhỏ và cháu. Bị cáo đã ăn năn hối lỗi và nhận thức được sai lầm của mình.

Bị cáo Hồng N1 tự bào chữa: Bị cáo xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo, cho bị cáo có cơ hội ở nhà lo cho con vì bị cáo có con nhỏ.

Người bào chữa cho bị cáo F phát biểu: Theo hướng dẫn của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo thì bị cáo F có đủ điều kiện hưởng án treo (bị cáo bị xử phạt không quá 03 năm tù, hạnh kiểm tốt, có 02 tình tiết giảm nhẹ trở lên là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, ngay từ khi có Bản án sơ thẩm đã liên lạc với Chi cục Thi hành án thành phố Y xin nộp số tiền đánh bạc nhưng chưa được, phạm tội 02 lần nhưng là tội ít nghiêm trọng, có hoàn cảnh rất éo le (có 02 con nhỏ, có mẹ tuổi cao sức yếu, phải nuôi cháu nhỏ do chị hai bị cáo mới mất để lại, hiện đang có công ăn việc làm ổn định và có hợp đồng lao động, có nơi cư trú ổn định và luôn chấp hành quy định của cơ quan có thẩm quyền. Người bào chữa mong Hội đồng xét xử thể hiện sự khoan hồng, tạo điều kiện cho bị cáo được hưởng án treo hoặc cải tạo không giam giữ để bị cáo được lo cho gia đình.

Đại diện Viện kiểm sát không tranh luận.

Lời nói sau cùng của các bị cáo:

Bị cáo T xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo và cho bị cáo hưởng án treo để bị cáo đi làm nuôi con nhỏ và mẹ già bệnh nặng.

Bị cáo T2 đã biết hành vi của mình là sai, xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được ở nhà lao động nuôi cha và mẹ già cùng con nhỏ.

Bị cáo Hồng N đã cảm thấy hối hận với hành vi của mình, xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo đi làm nuôi con.

Bị cáo O xin cho bị cáo được hưởng án treo để đi làm nuôi con đi học vì chỉ có một mình bị cáo nuôi con.

Bị cáo F đã biết lỗi, xin Hội đồng xét xử cho bị cáo cơ hội để bị cáo ở ngoài xã hội lao động.

Bị cáo Hồng N1 đã biết sai, xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo nuôi con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã

được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Kháng cáo của các bị cáo làm trong hạn luật định là hợp lệ nên được chấp nhận về hình thức.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như Tòa án cấp sơ thẩm xác định. Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau và phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở kết luận: Trong các ngày 13 và 14 tháng 5 năm 2021 tại cơ sở Massage H1, bị cáo Đỗ Thanh T (chủ cơ sở) đã dùng 02 máy trò chơi bắn cá nạp điểm cho các bị cáo Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị O, Nguyễn Thị Diệu F và Ngô Hồng N1 tham gia đánh bạc (trong số đó có người do bị cáo Nguyễn Ngọc Bằng T2 rủ đến). Hành vi của các bị cáo như trên, Tòa án cấp sơ thẩm xác định các bị cáo Đỗ Thanh T, Nguyễn Ngọc Bằng T2 phạm tội “Tổ chức đánh bạc” theo quy định tại Điều 322 của Bộ luật Hình sự và xác định các bị cáo Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị O, Nguyễn Thị Diệu F và Ngô Hồng N1 phạm tội “Đánh bạc” theo quy định tại Điều 321 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng, làm mất an ninh trật tự và an toàn xã hội nên cần phải nghiêm trị nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung, thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[4] Hồ sơ vụ án có Biên bản kiểm tra điện thoại của bị cáo T (bút lục số 87) kèm hình (các bút lục số 89 và 90) thể hiện nội dung các bị cáo cá cược thắng thua bằng tiền. Hồ sơ vụ án thể hiện có số điện thoại của người tên là “Dung DT” (bị cáo T khai tên là DT) liên quan đến việc tổ chức đánh bạc của bị cáo T. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T xuất trình điện thoại có đoạn phim ngắn quay được chân dung đối tượng DT và thông tin cuộc gọi cho thấy bị cáo T còn liên lạc được với đối tượng DT. Biên bản kiểm tra điện thoại của T2 (bút lục số 88) ghi nhận tin nhắn của T2 và hình tin nhắn (bút lục số 102) cho thấy bị cáo T2 nhắn tin “A gọi kêu a DT qua cài lại chép đi” và “Tại có mấy người thích chơi chép á” đã thể hiện các bị cáo biết rõ về đối tượng DT. Trong khi đó các bị cáo khai và Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đối tượng DT tổ chức đánh bạc cùng bị cáo T và bị cáo T thỏa thuận chi cho đối tượng DT lợi nhuận. Vì vậy, hành vi của đối tượng DT (Dung DT) phải được điều tra, xử lý trong cùng một vụ án với bị cáo T và các bị cáo khác.

[5] Cơ quan điều tra yêu cầu Trung tâm Tính cước và Thanh khoản MobiFone cung cấp thông tin thuê bao của đối tượng DT (bút lục số 258) và ban hành Quyết định tách hành vi và tài liệu liên quan trong vụ án hình sự (bút lục số 259), không lưu kết quả thông tin thuê bao của đối tượng DT trong hồ sơ. Trong tập Tòa án sơ thẩm có bút lục số 400 là văn bản của Công ty Dịch vụ Mobifone Khu vực 8 – Tổng công ty Viễn thông MobiFone trả lời về thông tin thuê bao cho Cơ quan điều tra cùng Biên bản xác minh về chủ thuê bao Trần Kiến H2 và lời khai con ông H2 về việc ông H2 không có ở địa phương. Cơ quan điều tra không thực hiện các biện pháp điều tra liên quan đến thông tin liên

lạc của số điện thoại mà đối tượng DT sử dụng để tìm đối tượng DT như truy xuất cuộc gọi đi, gọi đến, nội dung các tin nhắn, cuộc thoại, tìm những người liên quan đến số điện thoại của đối tượng DT rồi từ đó tìm ra đối tượng DT là thiếu sót. Việc tìm được đối tượng DT sẽ chắc chắn không bỏ lọt tội phạm và xác định được tính chất, mức độ của hành vi liên quan của người phạm tội “Tổ chức đánh bạc”, của bị cáo T và bị cáo T2.

[6] Cơ quan điều tra thu được sổ ghi đánh bạc của bị cáo T nhưng trong sổ chỉ có mã số, không có nội dung cụ thể. Cơ quan điều tra tính số tiền đánh bạc theo lời khai của các bị cáo trong khi số điểm nạp thực tế (được ghi nhận trong máy trò chơi bắn cá) không được truy xuất, kiểm tra. Lời khai các bị cáo cũng mâu thuẫn về tổng số tiền đánh bạc. Các cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm tính sai số tiền đánh bạc.

[7] Ngoài ra, số tiền thu lợi bất chính của bị cáo T phải được trừ đi số tiền bị cáo T trả cho bị cáo T2 (là số tiền thu lợi bất chính của bị cáo T2). Khoản tiền này hiện nay chưa chính xác về mặt số liệu và bị tính 01 lần vào hành vi phạm tội của bị cáo T rồi tính thêm 01 lần (lần 02) vào hành vi phạm tội của bị cáo T2.

[8] Những nội dung, tình tiết của vụ án chưa được điều tra làm rõ nêu trên ảnh hưởng đến việc xem xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của các bị cáo.

[9] Do có căn cứ cho rằng việc điều tra ở cấp sơ thẩm không đầy đủ mà cấp phúc thẩm không thể bổ sung được như đã nêu trên nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, hủy Bản án sơ thẩm để điều tra lại toàn diện vụ án.

[10] Tội danh cụ thể của các bị cáo, vai trò và mức độ phạm tội, hình phạt, nhân thân, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ, trách nhiệm nộp tiền thu lợi bất chính của các bị cáo cùng việc xử lý vật chứng, án phí sơ thẩm sẽ được các cơ quan tiến hành tố tụng xem xét trong giai đoạn điều tra, truy tố và xét xử lại. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét yêu cầu kháng cáo của các bị cáo.

[11] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử phúc thẩm nên được chấp nhận.

[12] Tòa án cấp phúc thẩm hủy Bản án sơ thẩm để điều tra lại nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại điểm f khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 344; Điều 345; điểm c khoản 1 Điều 355; điểm b khoản 1 Điều 358 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 262/2022/HS-ST ngày 31 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Y, tỉnh Bình Dương; chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân thành phố Y, tỉnh Bình Dương để điều tra lại theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo Đỗ Thanh T, Nguyễn Ngọc Bằng T2, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị O, Nguyễn Thị Diệu F và Ngô Hồng N1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Phòng Hồ sơ – Công an tỉnh Bình Dương;
- Tòa án nhân dân thành phố Y, tỉnh Bình Dương (2);
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Y, tỉnh Bình Dương;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Y, tỉnh Bình Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Y, tỉnh Bình Dương;
- Người tham gia tố tụng (11);
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi các bị cáo thường trú và tạm trú (thay văn bản thông báo) (8);
- Lưu VP (4), hồ sơ vụ án. PHT. (33).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng An Thanh